

Kính gửi: Quý nhà cung cấp

Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh kính mời các đơn vị có đủ năng lực và kinh nghiệm cung cấp thuốc theo yêu cầu dưới đây vui lòng gửi hồ sơ chào giá cho Bệnh viện theo nội dung cụ thể như sau:

1. Tên dự toán: Cung cấp thuốc năm 2026 lần 1;
2. Phạm vi cung cấp: chi tiết theo phụ lục đính kèm.
3. Thời gian cung cấp hàng hóa, dịch vụ: 18 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực;
4. Loại hợp đồng: Hợp đồng theo đơn giá cố định;
5. Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh
Cơ sở 1: 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh;
Cơ sở 2: 201 Nguyễn Chí Thanh, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh;
Cơ sở 3: 221B Hoàng Văn Thụ, Phường Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh.
6. Hiệu lực của hồ sơ chào giá: tối thiểu 18 tháng.
7. Yêu cầu về giá chào: giá chào đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo luật định, chi phí vận chuyển, giao hàng và các yêu cầu khác của bên mời thầu.
8. Thời gian nhận hồ sơ chào giá: trước 16 giờ, ngày 28 / 11 / 2025.
9. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi;
9. Quy định về tiếp nhận hồ sơ chào giá:
 - Gửi báo giá online qua website: <https://www.bvdaihoc.com.vn/Home/ViewList/31>;
 - Gửi bản giấy có ký tên, đóng dấu về địa chỉ sau đây: Khoa Dược, Lầu 4, Khu A, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố Hồ Chí Minh – Cơ sở 1, số 215 Hồng Bàng, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh
- Người liên hệ: DS. Nguyễn Trần Bảo Trâm. Số điện thoại: (028) 3952.5955.
10. Yêu cầu khác:
Hồ sơ chào giá của nhà thầu bao gồm các tài liệu sau:
 - + Thư chào giá, bảng báo giá của nhà thầu (có ký tên, đóng dấu);
 - + Thông báo trúng thầu hoặc hợp đồng trúng thầu (bản scan) còn hiệu lực đối với các mặt hàng đã trúng thầu tại các cơ sở y tế;

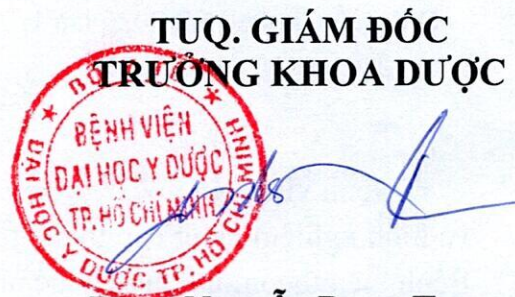


+ Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (bản scan giấy phép lưu hành sản phẩm/giấy phép nhập khẩu và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác).

Trân trọng./

Nơi nhận:

- Như trên;
- Giám đốc (để báo cáo);
- Đơn vị Quản lý Đấu thầu (để đăng tin);
- Lưu: VT, KD (B17-295-ntbtram) (02).



Đặng Nguyễn Đoàn Trang

Handwritten signature in blue ink.

PHỤ LỤC. DANH MỤC HÀNG HÓA MỜI CHÀO GIÁ
(Đính kèm Công văn số 59.72./BVĐHYD-KD ngày 18.. tháng 11. năm 2025)

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng; Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
1	Abemaciclib	1/2/3/4/5/BDG	200mg	Uống; Viên	Viên	2.016
2	Abemaciclib	1/2/3/4/5/BDG	150mg	Uống; Viên	Viên	2.016
3	Abemaciclib	1/2/3/4/5/BDG	50mg	Uống; Viên	Viên	4.032
4	Alpha amylase + papain	1/2/3/4/5/BDG	100mg + 50mg/5ml x 60ml	Uống ; Dung dịch/ hỗn dịch/ nhũ dịch uống	Chai/Lọ	150
5	Amivantamab	1/2/3/4/5/BDG	350mg/7ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	300
6	Argatroban monohydrate	1/2/3/4/5/BDG	100mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	15
7	Baricitinib	1/2/3/4/5/BDG	4mg	Uống; Viên	Viên	90
8	Bisacodyl	1/2/3/4/5/BDG	10mg	Đặt trực tràng; Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	300
9	Bisacodyl	1/2/3/4/5/BDG	5mg	Đặt trực tràng; Thuốc đặt hậu môn/ trực tràng	Viên	300
10	Bisoprolol fumarate + Perindopril arginine	1/2/3/4/5/BDG	5mg + 5mg	Uống; Viên	Viên	5.000
11	Bisoprolol fumarate + Perindopril arginine	1/2/3/4/5/BDG	5mg + 10mg	Uống; Viên	Viên	5.000
12	Bromocriptin	1/2/3/4/5/BDG	2.5mg	Uống; Viên	Viên	150
13	Budesonide	1/2/3/4/5/BDG	9mg	Uống; Viên giải phóng có kiểm soát	Viên giải phóng có kiểm soát	300
14	Calcitonin	1/2/3/4/5/BDG	50IU/1ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	2.214
15	Cyproheptadin	1/2/3/4/5/BDG	4mg	Uống; Viên	Viên	120
16	Denosumab	1/2/3/4/5/BDG	60mg	Tiêm dưới da; Thuốc tiêm đóng sẵn trong dụng cụ tiêm	Bơm tiêm/Xy lanh	100
17	Desmopressin (dưới dạng desmopressin acetat)	1/2/3/4/5/BDG	25mcg	Đặt dưới lưỡi; Viên đặt dưới lưỡi	Viên đặt dưới lưỡi	500
18	Epoprostenol	1/2/3/4/5/BDG	1.5mg	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	900
19	Esmolol hydroclorid	1/2/3/4/5/BDG	2g/100ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	50

02

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng; Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
20	Esmolol hydroclorid	1/2/3/4/5/BDG	100mg/10ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	58
21	Finerenon	1/2/3/4/5/BDG	20mg	Uống; Viên	Viên	27.000
22	Flecainide	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Uống; Viên	Viên	300
23	Flumazenil	1/2/3/4/5/BDG	0.5mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	36
24	Fondaparinux sodium 2,5 mg/0,5ml	1/2/3/4/5/BDG	2.5mg/5ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.260
25	Glycopyrrolate	1/2/3/4/5/BDG	0,2 mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	375
26	Hydralazine	1/2/3/4/5/BDG	25mg	Uống; Viên	Viên	1.000
27	Iohexol	1/2/3/4/5/BDG	647mg/1ml (Iodine 300mg/ml) x 100ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	22.055
28	Isoprenalin	1/2/3/4/5/BDG	0.2 mg/ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	30
29	Ketoprofen	1/2/3/4/5/BDG	2.5%/ x 30g	Dùng ngoài; Thuốc dùng ngoài	Chai/ lọ/ ống/ tuýp	10.166
30	Levothyroxin Na	1/2/3/4/5/BDG	100mcg	Uống; Viên	Viên	129.150
31	Levothyroxin Na	1/2/3/4/5/BDG	50mcg	Uống; Viên	Viên	217.594
32	Levothyroxin Na	1/2/3/4/5/BDG	75mcg	Uống; Viên	Viên	100.000
33	Lorlatinib	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Uống; Viên	Viên	7.800
34	Lorlatinib	1/2/3/4/5/BDG	25mg	Uống; Viên	Viên	5.850
35	Natri bicarbonat	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Uống; Viên	Viên	6.000
36	Natri picosulfat	1/2/3/4/5/BDG	5mg	Nhai; Viên	Viên	300
37	Nitroprusside	1/2/3/4/5/BDG	50mg/2ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	975
38	Pembrolizumab	1/2/3/4/5/BDG	100mg/4ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	1.080
39	Pertuzumab + Trastuzumab	1/2/3/4/5/BDG	1200mg + 600mg/15ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	6
40	Polymyxin B sulfate	1/2/3/4/5/BDG	500,000 unit	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi	900
41	Propofol 2% (20mg/ml x 50ml)	1/2/3/4/5/BDG	2% 50ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	150
42	Sodium zirconium cyclosilicate	1/2/3/4/5/BDG	10g	Uống; Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	300

TT	Tên hoạt chất	Phân nhóm (tham khảo)	Nồng độ, hàm lượng	Đường dùng; Dạng bào chế	Đơn vị tính	Số lượng
43	Sodium zirconium cyclosilicate	1/2/3/4/5/BDG	5g	Uống; Bột/cốm/hạt pha uống	Gói	300
44	Sulbactam	1/2/3/4/5/BDG	500mg	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm đông khô	Chai/Lọ/Ống/Túi	3.000
45	Sulbactam + durlobactam	1/2/3/4/5/BDG	1g + 0.5g	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	168
46	Tezepelumab	1/2/3/4/5/BDG	210mg/1.91ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Bơm tiêm/Xy lanh	3
47	Thiamazol	1/2/3/4/5/BDG	10mg	Uống; Viên	Viên	38.042
48	Thiamazol	1/2/3/4/5/BDG	5mg	Uống; Viên	Viên	62.472
49	Tirofiban	1/2/3/4/5/BDG	5mg/100ml	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	50
50	Tobramycin	1/2/3/4/5/BDG	300mg	Phun khí dung; Dung dịch/hỗn dịch khí dung	Chai/Lọ	500
51	Trastuzumab deruxtecan	1/2/3/4/5/BDG	100mg	Tiêm/Tiêm truyền; Thuốc tiêm/Thuốc tiêm truyền	Chai/Lọ/Ống/Túi	200

CHỈ DÙNG

CÔNG TY:
 MÃ SỐ THUẾ:
 ĐỊA CHỈ:
 SỐ ĐIỆN THOẠI:

BẢNG BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đại học Y Dược TP. Hồ Chí Minh

Địa chỉ: 215 Hồng Bàng, Phường 11, Phường Chợ Lớn, TP. Hồ Chí Minh

Theo công văn mời chào giá số/BVĐHYD-KD của Bệnh viện, Công ty chúng tôi báo giá như sau:

TT	TT trong danh mục mời chào giá	Tên thương mại	Tên hoạt chất	Nồng độ hàm lượng	Đường dùng	Dạng bào chế	Quy cách đóng gói	Số đăng ký lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu	Nhà sản xuất	Nước sản xuất	ĐVT	Phân nhóm	Đơn giá có VAT (VND)	Căn cứ mua sắm trúng thầu tại các cơ sở y tế (nếu có)				Ghi chú ⁽¹⁾
														Tên cơ sở y tế	Số, ngày QĐ phê duyệt KHLCNT	Mã thông báo mời thầu	Đơn giá trúng thầu	

❖ Yêu cầu báo giá:

- Báo giá này có hiệu lực⁽²⁾ ngày kể từ ngày báo giá.
- Chúng tôi cam kết về đơn giá chào hàng bằng hoặc thấp hơn giá trên thị trường của cùng nhà cung ứng hoặc cùng chủng loại.
- Các yêu cầu khác:

Ngày ... tháng năm

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

(Ký tên và đóng dấu)

¹ : Bảng biểu này chỉ có tính chất tham khảo, tùy từng loại hàng hóa cụ thể mà đơn vị có điều chỉnh cho phù hợp với nhu cầu thực tế. Đơn vị thực hiện lưu ý thống nhất nội dung của bảng này và bảng tại “Mẫu nhập liệu” khi áp dụng cho từng loại hàng hóa cụ thể.

²: khuyến cáo tối thiểu 12 tháng kể từ ngày chào giá

